

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST
Ngày : 22– 01– 2026
“ *V/v Tranh chấp hợp đồng gia công
và hợp đồng gửi giữ tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Hà**.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2025/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công và hợp đồng gửi giữ tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2025/QĐXX-ST ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Văn L** – sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T** – sinh năm: 1956 (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Tạ Thị K** – sinh năm: 1962 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Anh **Nguyễn Hoàng K1**, sinh năm: 1985 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4.2. Anh **Nguyễn Thành N** – sinh năm: 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 02/9/2025; trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày:**

Vào tháng 5/2021, ông Đoàn Văn L có mua 04 cây Sao phân ra 18 đoạn (có đoạn chiều dài khoảng 4m, có đoạn chiều dài khoảng 2,5m), bề hoành 112-115cm, giá 5.000.000đ và 02 đoạn cây Còng dài 3,3m (01 đoạn có bề hoành 170cm và 01 đoạn có bề hoành 152cm), tổng giá trị khi ông L mua các đoạn cây là 15.000.000đ, có làm biên nhận với người bán là ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng M.

Sau khi phân đoạn cây, ông L thuê xe chở với số tiền là 4.000.000đ đến xưởng cưa của ông Nguyễn Minh T để thuê ông T xẻ gỗ. Khi ông L gửi cây ở xưởng cưa của ông T thì ông T hứa sẽ trông coi, bảo quản và đảm bảo không bị mất cây. Việc ông L thuê và gửi các đoạn cây tại xưởng cưa của ông T hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng hay văn bản gì.

Sau khi gửi cây cho ông T, ông L đến thăm cây mỗi tháng 01 lần và yêu cầu ông T xẻ gỗ nhưng ông T nói do lượng cây người khác gửi ông T quá nhiều nên không có thời gian xẻ gỗ của ông L. Đến tháng 11/2023, ông L phát hiện số cây đã gửi cho ông T không còn tại xưởng cưa của ông T. Ông L có hỏi ông T số cây mà ông L đã gửi đâu thì ông T nói cây mục đâu hết rồi, ông T không biết. Sau đó ông L có yêu cầu ông T bồi thường nhưng ông T không đồng ý.

Nay ông L yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 19.000.000đ, trong đó tiền giá trị cây là 15.000.000đ và tiền thuê xe vận chuyển là 4.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà K1, ông L chỉ yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông T rút lại toàn bộ yêu cầu đối với ông L về việc yêu cầu ông L phải trả tiền thuê mặt bằng để gỗ và tiền công ông T giữ gỗ cho ông L với số tiền 25.800.000đ thì ông L thống nhất đồng ý không có ý kiến gì.

*** Tại các bản khai ý kiến ngày 12/11/2025, ngày 02/12/2025 và đơn khởi kiện phản tố ngày 12/11/2025, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:**

Vào tháng 5/2021, ông L có chở gỗ đến xưởng cưa của ông T để thuê ông T xẻ gỗ gồm: 02 đoạn gỗ cây C và khoảng 07-08 đoạn gỗ cây Sao nhưng ông T không nhớ kích thước. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng cũng không thỏa thuận quy cách xẻ gỗ như thế nào. Nội dung thỏa thuận là ông T đồng ý nhận xẻ số gỗ của ông L, thỏa thuận vài ngày sau ông T sẽ tiến hành xẻ gỗ. Tuy nhiên,

đến ngày hẹn ông L không đến để đưa ra quy cách xẻ gỗ nên ông T không tiến hành xẻ gỗ được. Ông T nhiều lần liên lạc yêu cầu ông L đến đưa quy cách xẻ gỗ nhưng ông L không đến.

Đến năm 2024, ông T phát hiện các đoạn cây gỗ ông L gửi để xẻ gỗ đã bị hư mục. Những đoạn cây gỗ này ông T để nhờ trên đất Nhà nước. Vào thời điểm này Nhà nước thu hồi đất của nhà ông T để làm lộ thì những đoạn gỗ này đã bị vùi lấp. Ông T nhiều lần tìm đến nhà ông L để thông báo sự việc nhưng không gặp.

Ông T yêu cầu ông L phải trả tiền thuê mặt bằng để gỗ và tiền công ông T giữ gỗ cho ông L với số tiền 20.000đ/ngày trong thời gian là 03 năm 07 tháng là 1.290 ngày x 20.000đ thành tiền 25.800.000đ. Tại phiên tòa hôm nay ông T rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện này.

Tại phiên tòa hôm nay ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà K1, ông L chỉ yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ thì ông T thống nhất đồng ý theo yêu cầu của ông L.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị K có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 12/11/2025 bà Tạ Thị K trình bày:**

Ông T có xưởng cưa, công việc của ông T thì bà K không biết. Bà K không biết ông L cũng không biết sự việc xảy ra giữa ông L và ông T.

Nay ông L yêu cầu bà K và ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi ông T gia công là 19.000.000đ thì bà K không đồng ý.

*** Người làm chứng anh Nguyễn Hoàng K1 vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2025, anh Nguyễn Hoàng K1 trình bày:**

Anh K1 là khách hàng từng đến tiệm của ông T để thuê ông T gia công gỗ. Vào khoảng năm 2021, anh K1 có đem gỗ đến xưởng cưa của ông T để thuê ông T xẻ gỗ. Khi thuê ông T xẻ gỗ, ông T quy định nếu để cây quá 03 tháng mà không đến đưa ra quy cách để ông T xẻ gỗ thì phải đóng phí giữ cây mỗi ngày 20.000đ. Đây là thỏa thuận giữa anh K1 và ông T nhưng chỉ khoảng 10-15 ngày thì anh K1 đã đến đưa ra quy cách để ông T xẻ gỗ nên anh K1 không có đóng phí này cho ông T. Theo anh K1 biết ai đến thuê ông T xẻ gỗ thì ông T đều quy định phí giữ cây. Tuy nhiên, giữa ông T và ông L có thỏa thuận vấn đề này không thì anh K1 không biết. Anh K1 không biết ông L cũng không biết thỏa thuận của cây giữa ông L, ông T như thế nào.

*** Người làm chứng anh Nguyễn Thành N vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2025, anh Nguyễn Thành N trình bày:**

Khoảng tháng 5/2021, anh N có đem cây gỗ đến xưởng cưa của ông T để nhờ ông T xẻ gỗ. Khi đó ông T nói với anh N, ông T chỉ cho gửi gỗ trong tiệm của ông T trong vòng 03 tháng nếu hơn thời gian đó thì phải chịu chi phí tiền gửi giữ gỗ một ngày là 20.000đ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, vài tuần thì anh N đã liên hệ đến ông T để yêu cầu ông T xẻ gỗ. Do khi ông T xẻ gỗ phải có mặt của chủ cây thì ông T mới xẻ gỗ được vì khi đó chủ cây chỉ kích thước, ông T sẽ xẻ gỗ theo yêu cầu của chủ cây. Anh N có nghe ông T nói lại có khách hàng tên L cũng gửi cây gỗ

ở tiệm của ông T nhưng ông T liên hệ nhiều lần với ông L nhưng ông L không đến xưởng của ông T nên ông T không xẻ gỗ được.

Khoảng năm 2022-2023, Nhà nước làm lộ Thế Hanh, khi đó xưởng cưa của ông T bị giải tỏa di dời đi vị trí khác. Khi đó, cây của khách hàng còn trong xưởng cưa của ông T, ông T có thông báo cho khách hàng để khách hàng đến tự bảo quản di dời cây hoặc có biện pháp khác. Anh có nghe ông T nói lại ông T có thông báo cho ông L nhưng ông L không đến tiệm của ông T để có biện pháp xử lý cây gỗ. Anh N nghe ông T nói lại khi làm lộ, ông L không đến để nhận lại gỗ nên xe cuốc cào bới cây của ông L bị thất lạc và do gỗ để lâu cũng bị mục. Cây gỗ của anh N cũng bị thất lạc một số nhưng anh N cũng không có yêu cầu gì đối với ông T. Theo anh N cây gỗ để không bảo quản, nắng mưa thì hơn 02 năm thì tự động bị mục. Anh N không biết ông L, anh N cũng không biết số lượng gỗ của ông L đem đến xưởng của ông T là bao nhiêu cây và loại cây gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 542, Điều 546, Điều 547, Điều 548, Điều 554, 557, Điều 585 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa hôm nay ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà K1, ông L chỉ yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ. Ông T thống nhất đồng ý theo yêu cầu của ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông L và ông T. Bà K1 là vợ hợp pháp của ông T căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà K1 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong thời kỳ hôn nhân cùng với ông T để bồi thường giá trị cây gỗ cho ông L. Do đó buộc ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông L về việc yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 6.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông L phải trả tiền thuê mặt bằng để gỗ và tiền công ông T giữ gỗ cho ông L với số tiền 25.800.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà K1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông T và bà K1 là người cao tuổi.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn ông Đoàn Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công và hợp đồng gửi giữ tài sản giữa ông L và bị đơn ông Nguyễn Minh T. Ông T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K1 và người làm chứng anh K1, anh N xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà K1, ông L chỉ yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ. Ông T thống nhất đồng ý theo yêu cầu của ông L nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông L và ông T. Bà K1 là vợ hợp pháp của ông T căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên buộc bà K1 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong thời kỳ hôn nhân cùng với ông T để bồi thường giá trị cây gỗ cho ông L. Do đó buộc ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 13.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông L về việc yêu cầu ông T và bà K1 phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông L đã gửi cho ông T, bà K1 gia công là 6.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông L phải trả tiền thuê mặt bằng để gỗ và tiền công ông T giữ gỗ cho ông L với số tiền 25.800.000đ.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà K1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 542, Điều 546, Điều 547, Điều 548, Điều 554, 557, Điều 585 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông Đoàn Văn L đã gửi cho ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K gia công là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Đoàn Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả giá trị số gỗ mà ông Đoàn Văn L đã gửi cho ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K gia công là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu ông Đoàn Văn L phải trả tiền thuê mặt bằng để gỗ và tiền công ông Nguyễn Minh T giữ gỗ cho ông Đoàn Văn L với số tiền 25.800.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Đoàn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006193 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Minh T và bà Tạ Thị K là người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ngô Thị Quyên